

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2019.
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Bảo.

2. Ông Trần Xuân Trà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX -HNGĐ ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T. Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc H. Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2019, bản tự khai ngày 29/3/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc H đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xóm T, xã Y, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất hòa quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, không thể tìm được tiếng nói

chung. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Lê M, sinh ngày 30/8/2003, con thứ hai tên là Lê Gia B, sinh ngày 16/10/2011. Chị T đề nghị giải quyết về quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Ngọc H tại bản tự khai ngày 29/3/2019 và phiên hòa giải ngày 16/4/2019 trình bày:

Anh H thừa nhận điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị T trình bày là đúng thực tế. Vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì to tát cả. Nay chị T xin ly hôn, anh H mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Tại phiên hòa giải ngày 16/4/2019, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, anh H lại yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhưng phải cấp dưỡng một lần. Nếu không cấp dưỡng được một lần thì chị T phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ của vợ chồng là 100.000.000đ và không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Lê M: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống cùng với bố Lê Ngọc H.

Ý kiến của cháu Lê Gia B: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống cùng với bố Lê Ngọc H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hòa giải nhưng chị T và anh H không thể đoàn tụ, không thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, đồng ý cho chị T ly hôn với anh H.

- Về con cái: Theo kết quả hòa giải ngày 16/4/2019, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc H đã thống nhất thỏa thuận: anh H trực tiếp nuôi các con và chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ. Mặt khác, xét nguyện vọng của cháu M và cháu B là được ở với bố. Do đó, đối chiếu với quy định tại các Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 Luật HNGĐ năm 2014, giao cháu Lê M, sinh ngày 30/8/2003 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 16/10/2011 cho anh Lê Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản: Hai vợ, chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27; **điểm a khoản 6 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Ngọc H có địa chỉ cư trú tại xóm T, xã Y, huyện H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc H trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam theo Giấy đăng ký kết hôn số 76 ngày 10/02/2005, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T và anh H trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 13 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Lý do là vì hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin ở nhau. Sự việc đã được hai bên nội ngoại khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Mặc dù tại phiên tòa anh H cho rằng đến nay anh không có mâu thuẫn gì lớn với vợ cả, nhưng tại các phiên hòa giải và trong phần tranh luận tại phiên tòa thì anh H cũng nêu rõ vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn không thể kể hết tại Tòa. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể

đạt được nữa. Vì vậy, HĐXX thấy yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Con thứ nhất tên là Lê M, sinh ngày 30/8/2003, con thứ hai tên là Lê Gia B, sinh ngày 16/10/2011. Tại phiên hòa giải ngày 16/4/2019, chị T và anh H đã thỏa thuận anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành và chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, anh H yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhưng đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con một lần hoặc chị T phải trả hết số nợ chung của vợ chồng là 100.000.000đ thì anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng nữa. Xét thấy hoàn cảnh của chị T hiện tại cũng rất khó khăn, thu nhập bình quân mỗi tháng 4.000.000đ không đủ điều kiện cấp dưỡng một lần nên HĐXX không chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay, anh H yêu cầu chị T trả số nợ chung của vợ chồng là 100.000.000đ, tuy nhiên trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H không có yêu cầu giải quyết về nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết. Tòa sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu. Xét nguyện vọng của cả hai cháu là đều muốn được ở với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận sự thỏa thuận giao con chung là Lê M, sinh ngày 30/8/2003 và Lê Gia B, sinh ngày 16/10/2011 cho anh Lê Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm là phù hợp với Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27, **điểm a khoản 6 Điều 27** Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Lê Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: Anh Lê Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Lê M, sinh ngày 30/8/2003 và con tên là Lê Gia B, sinh ngày 16/10/2011 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 5/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản đồng thời chị Nguyễn Thị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc anh Lê Ngọc H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng. Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 001403 ngày 26/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trịnh Thị Thiện